

QUẢN TRỊ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TRONG KỶ NGUYÊN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH: KHUNG CHÍNH SÁCH VỀ CHẤT LƯỢNG, BẢN QUYỀN VÀ LIÊM CHÍNH HỌC THUẬT CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Nhật Tân¹

Email: tannn@huflit.edu.vn. ORCID: 0000-0002-4178-5110

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 06/07/2026

Ngày hoàn thành đánh giá: 05/10/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 19/10/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1481

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích quản trị tài nguyên giáo dục mở (OER) trong bối cảnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trên ba phương diện: chất lượng học liệu, quyền tác giả và giấy phép mở, cùng liêm chính học thuật. Dựa trên phân tích chính sách định tính và tổng hợp tích hợp 32 nguồn tài liệu công bố từ năm 2015 đến tháng 8 năm 2026, bài viết đối chiếu các yêu cầu quản trị với khuôn khổ chính sách, pháp luật Việt Nam và nhận diện năm nhóm vấn đề cần cụ thể hóa khi triển khai tại cơ sở giáo dục đại học: khai báo AI và truy xuất nguồn gốc; bảo đảm chất lượng theo rủi ro; rà soát quyền và giấy phép đối với OER phức hợp; minh bạch tiến trình học thuật; quản trị dữ liệu và công cụ AI. Trên cơ sở kết quả đối chiếu, nghiên cứu đề xuất khung Q-R-I gồm ba trụ cột, ba cấp quản trị và sáu công cụ kiểm soát theo vòng đời OER, gắn yêu cầu chính sách với minh chứng và chủ thể chịu trách nhiệm. Khung mang tính chuẩn tắc và định hướng triển khai; mức độ phổ biến của các vấn đề tại cơ sở và hiệu quả của mô hình cần được kiểm chứng bằng nghiên cứu thực nghiệm.

Từ khóa: bản quyền, giáo dục đại học, liêm chính học thuật, tài nguyên giáo dục mở, trí tuệ nhân tạo tạo sinh.

I. Đặt vấn đề

Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) là học liệu thuộc phạm vi công cộng hoặc được phát hành theo giấy phép mở, cho phép người dùng truy cập, sử dụng, điều chỉnh và chia sẻ theo các điều kiện của giấy phép.

Khuyến nghị năm 2019 của UNESCO xác định năm trụ cột phát triển OER bền vững: nâng cao năng lực, hoàn thiện chính sách, bảo đảm chất lượng, xây dựng mô hình bền vững và tăng cường hợp tác. Các nghiên cứu tổng hợp đã xem xét hiệu quả của OER và thực hành giáo dục mở

¹ Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

đối với kết quả học tập (Tlili và cộng sự, 2023). Để duy trì các sáng kiến này, cơ sở giáo dục đại học còn cần bảo đảm những điều kiện về chính sách, nguồn lực, hỗ trợ tổ chức và năng lực của các bên tham gia (Aksoy và cộng sự, 2025).

Sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (AI tạo sinh) đang định hình lại phương thức phát triển OER. AI tạo sinh có thể hỗ trợ khởi tạo, biên dịch và tái cấu trúc học liệu với tốc độ cao, nhưng đồng thời làm gia tăng rủi ro về độ xác thực khoa học, thiên lệch dữ liệu, xung đột bản quyền và làm mờ ranh giới, mức độ đóng góp sáng tạo của con người. Do đó, chính sách của các trường đại học quốc tế đang dần chuyển từ cách tiếp cận thiên về cấm đoán sang quản trị dựa trên minh bạch, giám sát chuyên môn, trách nhiệm giải trình và phát triển năng lực AI (Chan, 2023; Wang và cộng sự, 2024; Crompton và cộng sự, 2026). Khi AI ngày càng được sử dụng như một công cụ hỗ trợ đồng sáng tạo, năng lực nhận diện vấn đề bản quyền và đánh giá tính tương thích của giấy phép mở trở nên đặc biệt quan trọng (Duan và Wong, 2026).

Tại Việt Nam, Quyết định 1117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 2026) đã bước đầu thiết lập nền tảng pháp lý cho OER trong giáo dục đại học. Cùng với hệ thống pháp luật mới về dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và AI, trọng tâm thực tiễn đang chuyển từ việc hình thành khuôn khổ pháp lý sang tổ chức thực thi các nghĩa vụ tại cấp cơ sở (Thủ tướng Chính phủ, 2023; Quốc hội, 2025a, 2025b, 2025c; Chính phủ, 2026).

Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu tập trung giải quyết ba câu hỏi: (1) AI tạo sinh đặt ra những yêu cầu nào đối với chất lượng học liệu, quyền tác giả và giấy phép mở, cũng như liên chính học thuật trong phát triển và sử dụng OER? (2) Khuôn khổ chính sách, pháp luật Việt Nam, với trọng tâm là Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT, đã quy định các yêu cầu này như thế nào và những nội dung nào cần được cụ thể hóa khi triển khai tại cơ sở giáo dục đại học? (3) Có thể thiết kế mô hình quản trị đa cấp theo vòng đời như thế nào để gắn các yêu cầu chính sách với điểm kiểm soát, minh chứng và trách nhiệm thực hiện? Đóng góp của nghiên cứu là đề xuất cấu trúc vận hành Q-R-I phù hợp với bối cảnh pháp lý Việt Nam, đồng thời phân biệt yêu cầu đã được quy định trong văn bản với những chi tiết triển khai cần được xác lập trong quy chế nội bộ ở cấp cơ sở.

II. Cơ sở lý thuyết

2.1. OER từ tiếp cận mở đến đối tượng quản trị thể chế

Nghiên cứu OER trên thế giới đã chuyển từ việc chủ yếu khẳng định lợi ích sang phân tích các điều kiện quản trị nội bộ cần thiết để duy trì độ tin cậy và tính bền vững. Chất lượng OER gắn với thẩm định chuyên môn, siêu dữ liệu, cơ chế phản hồi và chu kỳ cập nhật (Clements và cộng sự, 2015). Ở cấp trường, chính sách nội bộ, hỗ trợ tài chính, cơ chế ghi nhận đóng góp của giảng viên và bồi dưỡng năng lực là những yếu tố quan trọng đối với tính bền vững của các sáng kiến OER (Hohaus, 2024; Aksoy và cộng sự, 2025). Việc xem OER như một nguồn tri thức dùng chung đòi hỏi cấu trúc quản trị đa chiều thay vì chỉ quản lý kho tệp số (Alsuhaymi và Atallah, 2026). Đồng

thời, khả năng tái sử dụng hợp pháp phụ thuộc vào giấy phép, cơ chế ghi nhận đóng góp, định dạng và hạ tầng tương thích. Tại Việt Nam, các rào cản nổi bật liên quan đến năng lực lựa chọn học liệu, năng lực sư phạm và hiểu biết về bản quyền; vì vậy, quy định ở cấp vĩ mô cần được cụ thể hóa thành quy trình chuẩn hóa tại cơ sở (Truong và cộng sự, 2021). Nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2025) về phát triển OER trong giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục chỉ ra các vấn đề liên quan đến chính sách thể chế, hạ tầng, văn hóa chia sẻ và nguồn nhân lực chuyên môn. Những kết quả này củng cố cách tiếp cận xem OER là đối tượng quản trị tổ chức. Tuy nhiên, dữ liệu của nghiên cứu phản ánh giai đoạn trước khi Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT được ban hành, nên được sử dụng làm căn cứ bối cảnh, thay vì bằng chứng về tình hình thực thi Thông tư tại các cơ sở.

2.2. Tác động của AI tạo sinh và ba miền rủi ro Q-R-I

Việc tích hợp AI tạo sinh vào quá trình phát triển và sử dụng OER làm nổi lên ba miền rủi ro quản trị có quan hệ chặt chẽ với nhau:

Chất lượng (Quality - Q): Bao gồm độ chính xác khoa học, giá trị sư phạm, độ tin cậy của nguồn dẫn, siêu dữ liệu và khả năng cập nhật. Khi AI tham gia tạo lập nội dung, việc xác minh nguồn, kiểm soát nguy cơ “ảo giác” và thiên lệch trở thành yêu cầu thiết yếu; quyết định thẩm định cuối cùng vẫn cần thuộc về con người (Miao và Holmes, 2023; Miao và Cukurova, 2024).

Quyền và giấy phép mở (Rights - R): Bao gồm việc xác định chủ thể quyền, phòng ngừa xâm phạm quyền của bên thứ

ba, cấp phép mở hợp lệ và đánh giá tính tương thích giữa các giấy phép. Đối với OER phức hợp, giấy phép áp dụng cho toàn bộ tài nguyên không thể thay thế việc rà soát bản quyền và điều kiện sử dụng của từng thành phần cấu thành (Norris và cộng sự, 2023).

Liên chính học thuật (Integrity - I): Đòi hỏi sự minh bạch về tác giả, dữ liệu, mức độ sử dụng AI và trách nhiệm giải trình. Quản trị liên chính không nên đồng nhất việc sử dụng AI với gian lận, cũng không nên phụ thuộc hoàn toàn vào các công cụ phát hiện tự động do các công cụ này vẫn có nguy cơ tạo ra dương tính giả và âm tính giả đáng kể. Thay vào đó, cần kết hợp khai báo minh bạch, bằng chứng về tiến trình và thiết kế đánh giá có khả năng phản ánh thực chất năng lực người học (Dalalah và Dalalah, 2023; Eaton, 2023; Bittle và El-Gayar, 2025; Luo, 2024; Kofinas và cộng sự, 2025).

2.3. Khung Q-R-I đa cấp theo vòng đời OER

Các khung quản trị hiện có cung cấp nền tảng quan trọng cho nghiên cứu. Chan (2023) tổ chức chính sách AI trong giáo dục đại học theo ba phương diện sư phạm, quản trị và vận hành. Crompton và cộng sự (2026) xác lập các lĩnh vực chính sách và cơ chế rà soát chính sách AI thông qua nghiên cứu Delphi toàn cầu. Trong nghiên cứu OER, Alsuhaymi và Atallah (2026) tiếp cận tài nguyên mở như một nguồn tri thức dùng chung, nhấn mạnh cấu trúc chính sách và quản trị thể chế. Các công trình này cho thấy chất lượng, liên chính, dữ liệu và trách nhiệm của con người đã là những thành phần quan trọng trong quản trị OER và AI.

Trong bối cảnh Việt Nam, Lê (2026) đề xuất khung 5A-OER cho phát triển học liệu ngoại ngữ mở, kết hợp các chức năng ứng dụng AI với những biện pháp quản trị về chính sách, kỹ thuật, con người và đánh giá. Khung này cung cấp một cách tiếp cận gắn ứng dụng AI với nhu cầu sư phạm và kiểm soát rủi ro. Nghiên cứu hiện tại kế thừa định hướng đó, đồng thời tập trung vào hồ sơ quản trị của tài nguyên, quyền đối với từng thành phần và điều kiện ra quyết định trong quá trình phát triển, công bố và cập nhật OER.

Trên cơ sở đối sánh, nghiên cứu đề xuất khung Q-R-I gồm ba trụ cột (Chất lượng (Q) - Quyền (R) - Liêm chính (I)), ba cấp quản trị (Vi mô - Trung mô - Vi mô) và sáu cổng kiểm soát tuần tự theo vòng đời OER. Đóng góp của khung nằm ở việc liên kết các yêu cầu pháp lý Việt Nam với điểm kiểm soát, minh chứng và chủ thể chịu trách nhiệm đối với từng tài nguyên. Đây là đóng góp về tích hợp và cụ thể hóa triển khai theo bối cảnh. An toàn dữ liệu, liên thông hệ thống, năng lực thể chế và trách nhiệm của con người được xác định là những điều kiện hỗ trợ vận hành khung (OECD, 2023; Aksoy và cộng sự, 2025).

Bảng 1. Khung mã hóa Q-R-I và minh chứng vận hành đề xuất

Trụ cột	Nội dung mã hóa tài liệu	Minh chứng vận hành đề xuất
Chất lượng - Q	Q1: độ chính xác và tính sư phạm; Q2: độ tin cậy của nguồn dẫn; Q3: thẩm định và cập nhật	Phiếu thẩm định chuyên môn; kết quả kiểm tra nguồn dẫn; hồ sơ phiên bản và cập nhật
Quyền - R	R1: chủ thể quyền; R2: điều kiện cấp phép; R3: quyền và tính tương thích giấy phép của các thành phần	Danh mục thành phần; căn cứ quyền sử dụng; giấy phép và thông tin ghi công
Liêm chính - I	I1: minh bạch sử dụng AI; I2: dấu vết đóng góp của con người; I3: trách nhiệm giải trình	Bản khai báo AI; minh chứng tiến trình phù hợp với mức rủi ro; xác nhận trách nhiệm

Ghi chú: Các mã được sử dụng để phân tích nội dung; minh chứng ở cột cuối là đề xuất vận hành của tác giả. Một đơn vị văn bản có thể được gán đồng thời nhiều mã. Nguồn: Tác giả đề xuất từ tổng hợp tài liệu.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phân tích chính sách định tính kết hợp tổng hợp tài liệu theo hướng tích hợp. Tài liệu được lựa chọn có chủ đích theo mức độ liên quan đến quản trị OER, bảo đảm chất lượng, quyền tác giả, cấp phép mở, chính sách AI và liêm chính học thuật trong giáo dục đại học. Phạm vi này phục vụ tổng hợp và xây dựng mô hình, không đại diện cho toàn bộ công trình đã công bố về chủ đề.

Dữ liệu được xử lý qua hai vòng mã hóa. Ở vòng suy diễn, các đơn vị văn bản

được phân loại theo ba miền Q-R-I trong Bảng 1, cấp quản trị liên quan và hoạt động trong vòng đời OER, như tạo lập, thẩm định, công bố, sử dụng và cập nhật. Một đơn vị có thể nhận nhiều mã khi đồng thời liên quan đến chất lượng, quyền và liêm chính. Sáu cổng kiểm soát được xây dựng ở bước đề xuất mô hình sau phân tích. Ở vòng quy nạp, các nội dung được đối chiếu để nhận diện những chi tiết cần xác lập khi triển khai, như trường khai báo, tiêu chí kiểm tra, hồ sơ minh chứng và phân công trách nhiệm. Kết quả được đối chiếu với

Khuyến nghị OER 2019, Hướng dẫn về AI tạo sinh trong giáo dục và nghiên cứu năm 2023, cùng Tuyên bố Dubai về OER năm 2024 (UNESCO, 2019, 2024; Miao và Holmes, 2023; Atenas, 2024). Khung nghiên cứu mang tính chuẩn tắc và định hướng triển khai Thông tư 61.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khung pháp lý mới tại Việt Nam: Chuyển dịch sang quản trị theo vòng đời

Thông tư 61/2026/TT-BGDĐT đã thiết lập các yêu cầu quản lý bao quát vòng đời của OER. Điều 6 yêu cầu học liệu mở phù hợp với chuẩn chương trình, được cập nhật thường xuyên và gắn với giấy phép mở minh bạch; đồng thời bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm, thẩm định nội dung, chuẩn hóa siêu dữ liệu, khả năng liên thông và xác định quyền đối với tài nguyên phức hợp. Điều 7 giao các cơ sở giáo dục đại học ban hành quy chế nội bộ về tiêu chí, hồ sơ, thẩm quyền thẩm định, tiếp nhận phản hồi, chu kỳ rà soát hoặc thu hồi và tích hợp OER vào hoạt động đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Điều 8 quy định kiểm soát việc cấp phép, trích dẫn và tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ, AI, dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và liêm chính học thuật; tài nguyên sử dụng nội dung do AI tạo ra phải bảo đảm tính minh bạch. Điều 10 quy định trách nhiệm tạm dừng khai thác, sử dụng tài nguyên liên quan để xác minh khi có phản ánh hoặc bằng chứng về vi phạm. Điều 11 quy định các nội dung về khuyến khích phát triển OER và điều kiện bảo đảm; Điều 12 giao Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn dữ liệu đặc tả. Kết quả phân tích cho thấy Thông tư đã quy định các yêu cầu quản trị đối với nhiều

khâu trong vòng đời OER. Nội dung cần tiếp tục cụ thể hóa khi triển khai là cách tổ chức kiểm tra, lưu trữ minh chứng và phân công trách nhiệm trong quy chế nội bộ của cơ sở giáo dục đại học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Các quy định về AI, dữ liệu cá nhân và sở hữu trí tuệ bổ sung căn cứ cho quản trị OER có sử dụng AI (Quốc hội, 2025a, 2025b, 2025c; Chính phủ, 2026). Theo Điều 5a được bổ sung vào Nghị định 17/2023/NĐ-CP bởi Nghị định 134/2026/NĐ-CP, việc phát sinh quyền tác giả đối với tác phẩm có sử dụng hệ thống AI gắn với đóng góp sáng tạo có ý nghĩa quan trọng, quyết định của con người và các điều kiện pháp lý liên quan. Khi yêu cầu bảo hộ quyền tác giả, chủ thể phải chứng minh đóng góp sáng tạo của mình và khai báo trung thực việc sử dụng AI khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Bản thảo, phiên bản sửa đổi hoặc tài liệu thể hiện quá trình kiểm soát của con người có thể là căn cứ chứng minh. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất lưu trữ minh chứng đóng góp phù hợp với tính chất tài nguyên; khai báo sử dụng AI tự nó chưa đủ để xác lập quyền tác giả.

4.2. Năm nhóm vấn đề cần cụ thể hóa khi triển khai quản trị OER có sử dụng AI tạo sinh

Đối chiếu chính sách, pháp luật với tài liệu nghiên cứu cho phép nhận diện năm nhóm vấn đề cần cụ thể hóa khi triển khai quản trị OER có sử dụng AI tạo sinh. Đây là các nội dung được suy ra từ phân tích tài liệu, bao gồm những yêu cầu cần chuyển thành quy trình và những chi tiết được giao cho cơ sở xác lập.

Bảng 2. Liên kết yêu cầu chính sách với nội dung triển khai và điểm kiểm soát Q-R-I

Căn cứ, yêu cầu	Nội dung cần cụ thể hóa và rủi ro	Điểm kiểm soát đề xuất	Minh chứng và trách nhiệm theo mô hình
Điều 6 và Điều 8 Thông tư 61: siêu dữ liệu, minh bạch AI	Trường khai báo và thông tin nguồn gốc; rủi ro không xác định được phần nội dung có AI tham gia	Cổng 1 và Cổng 4	Bản khai báo AI, hồ sơ phiên bản; người biên soạn kê khai, đơn vị quản lý học liệu kiểm tra
Điều 6 và Điều 7: chất lượng, thẩm định theo mục đích sử dụng	Tiêu chí và mức kiểm tra tương ứng; rủi ro sai kiến thức, sai nguồn hoặc không phù hợp sự phạm	Cổng 2	Phiếu thẩm định kết quả xác minh nguồn; người thẩm định chuyên môn xác nhận
Khoản 6 Điều 6 và Điều 8: quyền đối với tài nguyên phức hợp, kiểm soát cấp phép	Danh mục thành phần và tương thích giấy phép; rủi ro cấp phép vượt quyền được phép	Cổng 3	Bảng kiểm quyền, giấy phép, thông tin ghi công; người biên soạn phối hợp thư viện và pháp chế
Điều 8 và Điều 9: liên chính, minh bạch và yêu cầu trong sử dụng OER	Phạm vi AI được phép và minh chứng đóng góp; rủi ro ghi nhận sai tác giả hoặc năng lực người học	Cổng 4 và Cổng 5	Khai báo AI, minh chứng tiến trình, xác nhận chuyên môn; người thực hiện và chủ thể phê duyệt theo quy chế
Điều 8: pháp luật về dữ liệu cá nhân và AI: tuân thủ trong sử dụng công cụ	Điều kiện xử lý dữ liệu, lựa chọn công cụ và quyền truy cập; rủi ro lộ dữ liệu hoặc trách nhiệm không rõ	Cổng 1, Cổng 5 và Cổng 6	Hồ sơ đánh giá công cụ, quy tắc dữ liệu, phân công trách nhiệm; đơn vị CNTT phối hợp đơn vị phụ trách và lãnh đạo có thẩm quyền

*Ghi chú: Cổng kiểm soát, minh chứng và phân công trách nhiệm trong bảng là các thành phần của mô hình Q-R-I; cơ sở giáo dục đại học cần điều chỉnh theo quy chế và cơ cấu tổ chức của mình.
Nguồn: Tác giả đề xuất từ kết quả phân tích.*

1. Khai báo AI và truy xuất nguồn gốc: Thông tư 61 đặt ra yêu cầu về siêu dữ liệu và minh bạch đối với tài nguyên sử dụng nội dung do AI tạo ra. Để tổ chức thực hiện, tác giả đề xuất ghi nhận công cụ và phiên bản nếu xác định được, mục đích sử dụng, phần nội dung có AI tham gia, hoạt động kiểm tra của con người và người chịu trách nhiệm. Các trường này hỗ trợ truy xuất và giải trình khi tài nguyên được điều chỉnh hoặc có phản ánh về sai sót (Wang và cộng sự, 2024; Qian, 2026).

2. Bảo đảm chất lượng theo rủi ro: Điều 7 Thông tư 61 đã phân biệt tài nguyên theo mục đích sử dụng và giao cơ sở xây dựng tiêu chí, hồ sơ, thẩm quyền thẩm định. Tác giả đề xuất cụ

thể hóa mức kiểm tra theo mục đích sử dụng, mức độ ảnh hưởng của sai sót và mức tham gia của AI. Tài nguyên dùng trong giảng dạy chính thức hoặc đánh giá cần có yêu cầu minh chứng tương xứng, tập trung vào độ chính xác, tính sự phạm và độ tin cậy của nguồn dẫn (Clements và cộng sự, 2015; Crompton và cộng sự, 2026).

3. Rà soát quyền và giấy phép đối với OER phức hợp: Điều 6 và Điều 8 Thông tư 61 đã đặt ra yêu cầu xác định quyền và kiểm soát cấp phép. Nội dung cần cụ thể hóa là quy trình lập danh mục từng thành phần, xác minh căn cứ quyền sử dụng, đối chiếu điều kiện ghi công, sửa đổi và phân phối lại. Tác giả đề xuất kiểm

tra tính tương thích giữa các giấy phép trước khi lựa chọn giấy phép cho toàn bộ tài nguyên, nhằm kiểm soát rủi ro áp dụng giấy phép chung vượt quá quyền được phép của một thành phần (Norris và cộng sự, 2023).

4. Minh bạch tiến trình và liên chính học thuật: Trong phát triển OER và hoạt động học tập, đánh giá có sử dụng OER, tác giả đề xuất quy định rõ phạm vi AI được phép hỗ trợ, nội dung phải khai báo và minh chứng đóng góp của người thực hiện. Việc xem xét dấu hiệu vi phạm cần kết hợp hồ sơ tiến trình, đánh giá chuyên môn và cơ hội giải trình. Kết quả từ công cụ phát hiện AI cần được xem xét cùng các bằng chứng khác do nguy cơ dương tính giả và âm tính giả (Dalalah và Dalalah, 2023; Eaton, 2023; Luo, 2024; Kofinas và cộng sự, 2025).

5. Quản trị dữ liệu, công cụ AI và trách nhiệm: Từ các yêu cầu tuân thủ pháp luật về dữ liệu cá nhân và AI, tác giả đề xuất cơ sở xác định điều kiện lựa chọn công cụ, dữ liệu được phép xử lý, quyền truy cập hồ sơ và trách nhiệm của các đơn vị liên quan. Việc kiểm tra dữ liệu và công cụ cần thực hiện trước khi đưa thông tin vào hệ thống AI, đồng thời được rà soát khi công cụ hoặc mục đích sử dụng thay đổi (Quốc hội, 2025a, 2025c; McDonald và cộng sự, 2025; Crompton và cộng sự, 2026).

4.3. Cấu trúc mô hình Q-R-I đa cấp và sáu cổng kiểm soát vòng đời

Trong mô hình đề xuất, khung Q-R-I được tổ chức theo ba trụ cột, ba cấp quản trị và sáu cổng kiểm soát. Cấp vĩ mô cung cấp quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn chung. Cấp trung mô chuyển các yêu cầu đó thành quy chế, hồ sơ và

thẩm quyền xử lý trong cơ sở giáo dục đại học. Tác giả đề xuất cơ chế phối hợp giữa đơn vị chuyên môn, đào tạo và bảo đảm chất lượng, thư viện, pháp chế và công nghệ thông tin, phù hợp với cơ cấu thực tế của từng trường. Cấp vi mô thực hiện việc biên soạn, kiểm tra, khai báo và lưu trữ minh chứng. Sự phân công này kế thừa định hướng quản trị thể chế và hỗ trợ tổ chức trong các nghiên cứu trước (OECD, 2023; Hohaus, 2024; Aksoy và cộng sự, 2025).

Sáu cổng kiểm soát gồm: Cổng 1 - xác định mục đích, nguồn gốc và điều kiện sử dụng dữ liệu, công cụ; Cổng 2 - kiểm tra chất lượng chuyên môn và nguồn dẫn; Cổng 3 - rà soát quyền và giấy phép của từng thành phần; Cổng 4 - hoàn thiện khai báo AI và minh chứng tiến trình; Cổng 5 - phê duyệt và công bố; Cổng 6 - giám sát, cập nhật, tạm dừng hoặc thu hồi theo căn cứ phù hợp. Khai báo AI được khởi tạo từ Cổng 1 và cập nhật tại Cổng 4. Các hoạt động kiểm tra có thể được phối hợp song song, nhưng quyết định công bố tại Cổng 5 phụ thuộc vào việc đáp ứng các điều kiện liên quan về chất lượng, quyền và liên chính.

Mỗi cổng ghi nhận một trong ba trạng thái: đạt, yêu cầu bổ sung hoặc không đạt, kèm căn cứ và người xác nhận. Minh chứng tiến trình được lựa chọn theo mức rủi ro và lưu trữ với quyền truy cập phù hợp. Khi tài nguyên được chỉnh sửa hoặc có phản ánh, hồ sơ quay lại cổng liên quan để kiểm tra. Trách nhiệm được xác định theo vai trò của người biên soạn, người thẩm định và người phê duyệt; quyết định của con người và trách nhiệm tương ứng không được chuyển giao cho công cụ AI.



Hình 1. Mô hình Q-R-I đề xuất cho quản trị OER theo vòng đời trong bối cảnh AI tạo sinh

Nguồn: Tác giả đề xuất từ kết quả phân tích tài liệu.

V. Kết luận

Phân tích tài liệu cho thấy khuôn khổ chính sách, pháp luật Việt Nam đã đặt ra các yêu cầu quản trị quan trọng đối với chất lượng, quyền và liêm chính trong phát triển, sử dụng OER. Năm nhóm vấn đề được nhận diện trong nghiên cứu phản ánh những nội dung cần cụ thể hóa khi tổ chức triển khai. Kết quả này có phạm vi là đối chiếu chính sách và tổng hợp tài liệu; chưa phản ánh mức độ thực hiện tại các cơ sở giáo dục đại học.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất khung Q-R-I gồm ba trụ cột, ba cấp quản trị và sáu cổng kiểm soát theo vòng đời OER. Đóng góp của khung là liên kết yêu cầu chính sách với rủi ro, điểm kiểm soát, minh chứng và trách nhiệm của con người trong bối cảnh pháp lý Việt Nam.

Ở cấp quản lý nhà nước, tác giả kiến nghị xem xét việc hướng dẫn khai báo AI trong dữ liệu đặc tả OER,

kiểm tra chất lượng theo rủi ro và xử lý quyền đối với tài nguyên phức hợp. Ở cấp cơ sở, tác giả đề xuất ưu tiên quy chế phối hợp, hồ sơ quyền theo từng thành phần, khai báo AI và điều kiện sử dụng dữ liệu, công cụ. Phạm vi và cách tổ chức triển khai cần phù hợp với loại tài nguyên, mục đích sử dụng và nguồn lực của từng trường.

Nghiên cứu còn giới hạn ở tập tài liệu được lựa chọn có chủ đích, chưa có dữ liệu thực nghiệm về triển khai Thông tư 61 hoặc hiệu quả của sáu cổng kiểm soát. Nghiên cứu tiếp theo có thể sử dụng Delphi và nghiên cứu trường hợp tại các cơ sở khác nhau để hiệu chỉnh tiêu chí, minh chứng và trách nhiệm. Việc đánh giá cần xem xét khả năng truy xuất hồ sơ, mức phát hiện sai sót, thời gian xử lý và chi phí nhân lực, qua đó xác định tính khả thi và hiệu quả của khung Q-R-I.

Tài liệu tham khảo

- Aksoy, D. A., Kurşun, E., & Zawacki-Richter, O. (2025). Factors affecting the sustainability of open educational resource initiatives in higher education: A systematic review. *Review of Education*, 13(1), Article e70029. <https://doi.org/10.1002/rev3.70029>
- Alsuhaymi, A. O., & Atallah, F. A. (2026). Governing open educational resources as sustainable knowledge commons: A policy and institutional framework for higher education. *Sustainability*, 18(8), Article 4024. <https://doi.org/10.3390/su18084024>
- Atenas, J. (2024). *Guidelines on the implementation of the OER Recommendation action area 2: Developing supportive policy*. UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000389032>
- Bittle, K., & El-Gayar, O. (2025). Generative AI and academic integrity in higher education: A systematic review and research agenda. *Information*, 16(4), Article 296. <https://doi.org/10.3390/info16040296>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). *Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học*. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=0&docid=218966&pageid=27160>
- Chan, C. K. Y. (2023). A comprehensive AI policy education framework for university teaching and learning. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), Article 38. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00408-3>
- Chính phủ. (2026). *Nghị định số 134/2026/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan*. <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/nghi-dinh-so-134-2026-nd-cp-469388.htm>
- Clements, K., Pawlowski, J., & Manouselis, N. (2015). Open educational resources repositories literature review - Towards a comprehensive quality approaches framework. *Computers in Human Behavior*, 51, 1098-1106. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2015.03.026>
- Crompton, H., Burke, D., Nickel, C., Bozkurt, A., Miao, F., Sharples, M., Greene, J. A., Parsons, D., Gill-Simmen, L., Edmett, A., Pegrum, M., de Waard, I., Bonk, C. J., Garcia, M. B., Curry, J. H., Lindsey, L., Yang, M., Marshall, S., Bali, M., ... Yu, S. (2026). Governing generative AI in higher education: A global Delphi study on policy and practice. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 23(1), Article 21. <https://doi.org/10.1186/s41239-026-00602-z>
- Dalalah, D., & Dalalah, O. M. A. (2023). The false positives and false negatives of generative AI detection tools in education and academic research: The case of ChatGPT. *The International Journal of Management Education*, 21(2), Article 100822. <https://doi.org/10.1016/j.ijme.2023.100822>
- Duan, C., & Wong, B. T. M. (2026). Faculty perspectives on open educational resources: A case study of a Hong Kong higher education institution. *PLOS ONE*, 21(8), Article e0349147. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0349147>
- Eaton, S. E. (2023). Postplagiarism: Transdisciplinary ethics and integrity in the age of artificial intelligence and neurotechnology. *International Journal for Educational Integrity*, 19(1), Article 23. <https://doi.org/10.1007/s40979-023-00144-1>

- Hohaus, P. (2024). Offene Bildungsmaterialien als Ziel der Steuerung - Eine qualitative Inhaltsanalyse der OER-Policies deutscher Hochschulen im Kontext von Educational Governance. *Zeitschrift für Bildungsforschung*, 14(2), 207-231. <https://doi.org/10.1007/s35834-024-00428-7>
- Kofinas, A. K., Tsay, C. H.-H., & Pike, D. (2025). The impact of generative AI on academic integrity of authentic assessments within a higher education context. *British Journal of Educational Technology*, 56(6), 2522-2549. <https://doi.org/10.1111/bjet.13585>
- Lê, T. M. T. (2026). Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển học liệu ngoại ngữ mở: Tiếp cận từ chiến lược phát triển của Trường Đại học Mở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (Số đặc biệt 17A), 241-250. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1368>
- Luo, J. (2024). A critical review of GenAI policies in higher education assessment: A call to reconsider the “originality” of students’ work. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 49(5), 651-664. <https://doi.org/10.1080/02602938.2024.2309963>
- McDonald, N., Johri, A., Ali, A., & Collier, A. H. (2025). Generative artificial intelligence in higher education: Evidence from an analysis of institutional policies and guidelines. *Computers in Human Behavior: Artificial Humans*, 3, Article 100121. <https://doi.org/10.1016/j.chbah.2025.100121>
- Miao, F., & Cukurova, M. (2024). *AI competency framework for teachers*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/ZJTE2084>
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). *Guidance for generative AI in education and research*. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- Nguyen, T. H. H., Le, T. M. T., Nguyen, T. V. D., & Mac, V. H. (2025). Promoting open educational resources for higher education in Vietnam. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 60-81. <https://doi.org/10.64233/LVTM2762>
- Norris, M. E., Swartz, M., & Kuhlmeier, V. A. (2023). The importance of copyright and shared norms for credit in open educational resources. *Frontiers in Education*, 7, Article 1069388. <https://doi.org/10.3389/feduc.2022.1069388>
- OECD. (2023). *OECD digital education outlook 2023: Towards an effective digital education ecosystem*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/c74f03de-en>
- Qian, Y. (2026). Governing generative AI in higher education: Emerging policy approaches and support ecosystems at innovative U.S. universities. *International Journal for Educational Integrity*, 22(1), Article 25. <https://doi.org/10.1007/s40979-026-00233-x>
- Quốc hội. (2025a). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025*. <https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214590&pageid=27160>
- Quốc hội. (2025b). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 131/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025*. <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/luat-so-131-2025-qh15-468691.htm>
- Quốc hội. (2025c). *Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=216334&pageid=27160>

- Thủ tướng Chính phủ. (2023). *Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2023 phê duyệt Chương trình xây dựng mô hình nguồn tài nguyên giáo dục mở trong giáo dục đại học*. <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=208699&pageid=27160>
- Tlili, A., Garzón, J., Salha, S., Huang, R., Xu, L., Burgos, D., Denden, M., Farrell, O., Farrow, R., Bozkurt, A., Amiel, T., McGreal, R., López-Serrano, A., & Wiley, D. (2023). Are open educational resources (OER) and practices (OEP) effective in improving learning achievement? A meta-analysis and research synthesis. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), Article 54. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00424-3>
- Truong, V., Denison, T., & Stracke, C. M. (2021). Developing institutional open educational resource repositories in Vietnam: Opportunities and challenges. *The International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 22(4), 109-124. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v23i1.5582>
- UNESCO. (2019). *Recommendation on open educational resources (OER)*. <https://www.unesco.org/en/legal-affairs/recommendation-open-educational-resources-oer>
- UNESCO. (2024). *Dubai declaration on open educational resources (OER): Digital public goods and emerging technologies for equitable and inclusive access to knowledge*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000392271>
- Wang, H., Dang, A., Wu, Z., & Mac, S. (2024). Generative AI in higher education: Seeing ChatGPT through universities' policies, resources, and guidelines. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 7, Article 100326. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100326>

GOVERNING OPEN EDUCATIONAL RESOURCES IN THE GENERATIVE ARTIFICIAL INTELLIGENCE ERA: A POLICY FRAMEWORK FOR QUALITY, COPYRIGHT, AND ACADEMIC INTEGRITY IN VIETNAMESE HIGHER EDUCATION

Nguyen Nhat Tan¹

Abstract: *This study examines the governance of open educational resources (OER) in the generative artificial intelligence era across three domains: quality, copyright and open licensing, and academic integrity. Qualitative policy analysis and an integrative synthesis of 32 sources published from 2015 to August 2026 identify five areas requiring operational specification in Vietnamese higher education: AI disclosure and provenance, risk-based quality assurance, rights and licensing review for composite OER, transparency of academic processes, and data and AI-tool governance. The study proposes a multilevel Q-R-I framework with six lifecycle control gates linking policy requirements to evidence and accountable actors. The framework is normative and implementation-oriented; institutional conditions and its effectiveness require empirical validation.*

Keywords: *academic integrity, copyright, generative artificial intelligence, higher education, open educational resources*

¹ Ho Chi Minh City University of Foreign Languages - Information Technology, Vietnam